

I. Nội dung đề nghị thanh toán: Thanh toán tiền lương và các khoản phụ cấp lương

STT	Họ và tên	Tài khoản ngân hàng		Tổng số	Trong đó:								Tiền khoản	Tiền học bổng	Ghi chú
		Số tài khoản người hưởng	Tên ngân hàng		Lương và phụ cấp theo lương 18/2022	Tiền công lao động thường xuyên theo hợp đồng	Tiền thưởng	Tiền phụ cấp và trợ cấp khác							
1	2	3		4	5	6	8	9					10	11	12
								Phụ cấp ưu đãi	Hỗ trợ chính sách mầm non 25%	Chế độ cho GV mầm non theo nghị quyết 04	Phụ cấp ban thanh tra nhân dân	Phụ cấp trách nhiệm kế toán, thủ quỹ	Phụ cấp thêm giờ		
				264.974.653	136.162.011	12.461.582	-	42.657.657	32.600.604	16.400.000	170.000	298.000	23.224.799	1.000.000	-
I	Đối với công chức, viên chức:			252.513.071	136.162.011	-	-	42.657.657	32.600.604	16.400.000	170.000	298.000	23.224.799	1.000.000	-
1	Ngô Thị Thủy Vân	010138677	NH Đồng Á	15.597.387	9.236.882			2.857.820	2.041.300				1.461.385		
2	Nguyễn Thụy Phương	010505647	NH Đồng Á	13.938.036	8.134.655			2.607.500	1.862.500				1.333.381		
3	Nguyễn Thị Quỳnh	010582525	NH Đồng Á	9.794.190	5.511.295			1.924.335	1.374.525				984.035		
4	Đào Thị Thủy Linh	0102008111	NH Đồng Á	17.490.819	10.116.419			2.908.927	2.077.954	900.000			1.487.519		Nâng phụ cấp thâm niên từ tháng 5--> 7/2022
5	Hoàng Thị Ngọc Loan	010118455	NH Đồng Á	14.981.515	8.301.348			2.597.070	1.855.050	900.000			1.328.047		
6	Vũ Thị Thanh Xuân	010259419	NH Đồng Á	14.344.524	7.873.279			2.503.200	1.788.000	900.000			1.280.045		
7	Trần Minh Thu	0102594200	NH Đồng Á	14.048.404	7.751.260			2.424.975	1.732.125	900.000			1.240.044		Nâng phụ cấp thâm niên từ tháng 6--> 7/2022
8	Phan Thị Kiêm Châu	010198065	NH Đồng Á	13.065.401	7.033.943			2.331.105	1.665.075	900.000			1.135.278		
k2	Bùi Thị Minh Thu	0102593969	NH Đồng Á	13.115.291	7.201.170			2.252.880	1.609.200	900.000			1.152.041		Nâng phụ cấp thâm niên từ tháng 5--> 7/2022
10	Phạm Thị Bích Phượng	010259393	NH Đồng Á	13.080.926	6.992.069			2.357.180	1.683.700	900.000			1.147.977		
11	Nguyễn Thị Như Ngọc	010259422	NH Đồng Á	11.809.719	6.278.621			2.080.785	1.486.275	900.000			1.064.038		
12	Nguyễn Thị Bích Ly	010866515	NH Đồng Á	9.764.253	4.929.201			1.736.595	1.240.425	900.000	70.000		888.032		
13	Xương Thị Mộng	010941538	NH Đồng Á	8.712.723	4.280.695			1.564.500	1.117.500	900.000	50.000		800.028		
14	Nguyễn Thị Hồng Vân	010664809	NH Đồng Á	9.966.288	5.151.236			1.736.595	1.240.425	900.000	50.000		888.032		
15	Bùi Thị Kim Tuyền	010933528	NH Đồng Á	7.915.642	3.916.637			1.392.405	994.575	900.000			712.025		
16	Vương Thị Châu	010193083	NH Đồng Á	9.854.283	5.077.625			1.741.810	1.244.150	900.000			890.698		
17	Bùi Thị Minh Thủy	010763002	NH Đồng Á	8.673.197	4.606.348			1.580.145	1.128.675	550.000			808.029		
18	Nguyễn Trần Sơn Thủy	010192908	NH Đồng Á	6.721.777	3.374.548			1.256.815	897.725	550.000			642.689		
19	Trần Thị Chuyển	010413257	NH Đồng Á	8.942.384	4.525.535			1.580.145	1.128.675	900.000			808.029		
20	Giang Thanh Loan	010259384	NH Đồng Á	8.263.723	5.147.503				1.437.850			149.000	1.029.370	500.000	
21	Mai Thị Thanh Hiệp	010232007	NH Đồng Á	6.038.106	2.747.113			1.074.290	767.350	900.000			549.353		
22	Dương Thị Liễu	011095691	NH Đồng Á	6.038.106	2.747.113			1.074.290	767.350	900.000			549.353		
23	Nguyễn Thị Mỹ Tiên	011096667	NH Đồng Á	6.038.106	2.747.113			1.074.290	767.350	900.000			549.353		
24	Trịnh Lê Ngọc Hạnh	010995503	NH Đồng Á	4.318.271	2.480.403				692.850			149.000	496.018	500.000	
II	Đối với lao động hợp đồng (theo Nghị định 68/2000/			9.461.582	-	9.461.582	-	-	-	-	-	-	-	-	
1	Nguyễn Kim Loan	0109334505	NH Đồng Á	4.730.791		4.730.791									
2	Đỗ Minh Sơn	010899933	NH Đồng Á	4.730.791		4.730.791									
III	Đối với lao động thường xuyên theo hợp đồng			3.000.000	-	3.000.000	-	-	-	-	-	-	-	-	
1	Võ Hoàng Diệu	0111016659	NH Đồng Á	1.500.000		1.500.000									Hợp đồng Trưởng
2	Trần Thị Loan	010200810	NH Đồng Á	1.500.000		1.500.000									Hợp đồng Trưởng

STT	Họ và tên	Tài khoản ngân hàng		Tổng số	Trong đó:										Ghi chú	
		Số tài khoản người hưởng	Tên ngân hàng		Lương và phụ cấp theo lương T8/2022	Tiền công lao động thường xuyên theo hợp đồng	Tiền thưởng	Tiền phụ cấp và trợ cấp khác						Tiền khoán		Tiền học bổng

Tổng số tiền bằng chữ: Hai trăm sáu mươi bốn triệu chín trăm bảy mươi bốn ngàn sáu trăm năm mươi ba đồng.

II. Phần thuyết minh thay đổi so với tháng trước: Tổng số tiền : 23.434.768 đồng

Lý do chênh lệch:

Tháng 7 tăng 01 lao động , tên Đỗ Minh Sơn, số tiền 4.232.813 đồng.

Tháng 8 truy lãnh chênh lệch mức tiền thuê lao động , số tiền chênh lệch 995.956 đồng.

- Đỗ Minh Sơn : số tiền truy lãnh 497.978 đồng
- Nguyễn Kim Loan : số tiền truy lãnh 497.978 đồng

Tháng 8 truy lãnh phụ cấp thâm niên từ tháng 5-->7/2022 , số tiền : 714.013 đồng

- Đào Thị Thủy Linh : số tiền truy lãnh 297.546 đồng
- Trần Minh Thu : số tiền truy lãnh 186.030 đồng
- Bùi Thị Minh Thu : số tiền truy lãnh 230.437 đồng

Tháng 8 lãnh lương thêm giờ tháng 7/2022, số tiền 23.224.799 đồng

Tháng 8 giảm 1 thuê khoán lao động , cô Ngô Thị Lan Trính, số tiền 1.500.000 đồng

Người lập
(Ký, ghi rõ họ tên)



Giang Thanh Loan

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)



Giang Thanh Loan

Chuyên viên kiểm soát chi/Giao dịch viên

Ngày 08 tháng 8 năm 2022
Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)


Ngô Thị Thúy Vân

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày..... tháng..... năm.....
Giám đốc KBNN cấp tỉnh hoặc Lãnh đạo phòng